TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN D
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2018/HSST
Ngày 26/9/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN D, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Phách
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đinh Thị Thu Huyền
2. Ông Đào Xuân Thịnh

Những người tiến hành tố tụng khác tại phiên tòa:

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Linh Chi, cán bộ Toà án nhân dân huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên D tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Q Mai, chức vụ: Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 26/9/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 50/2018/HSST ngày 29 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1.Trần Văn H, sinh năm 1989 tại thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh B.

Nơi cư trú: Thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh B.

Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2; vợ là Nguyễn Thị M và 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị tạm giữ ngày 22/5/2018, trả tự do ngày 25/5/2018, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2.Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 tại thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh B.

Nơi cư trú: Thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh B.

Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị N1; vợ là Nguyễn Thị T1 và 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị tạm giữ ngày 22/5/2018, trả tự do ngày 27/5/2018, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3.Nguyễn Văn D, sinh năm 1987 tại thôn X, xã X, huyện Y, tỉnh B.

Nơi cư trú: Thôn X, xã X, huyện Y, tỉnh B.

Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T2; vợ là Lê Thị T3 và 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị tạm giữ ngày 22/5/2018, trả tự do ngày 25/5/2018, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4.Nguyễn Văn T4, sinh năm 1976 tại thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh B.

Nơi cư trú: Thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh B.

Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn N2 và bà Trần Thị P; vợ là Trần Thị C và 02 con.

Tiền án, tiền sư: Không

Bị tạm giữ ngày 22/5/2018, trả tự do ngày 25/5/2018, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5.Nguyễn Văn T5, sinh năm 1987 tại thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh B.

Nơi cư trú: Thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh B.

Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H3; vợ là Nguyễn Thị H4 và 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị tạm giữ ngày 22/5/2018, trả tự do ngày 27/5/2018, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

6.Đỗ Văn H5, sinh năm 1990 tại thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh B.

Nơi cư trú: Thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh B.

Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Đỗ Văn B và bà Nguyễn Thị C1; vợ: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị tạm giữ ngày 22/5/2018, trả tự do ngày 25/5/2018, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

7.Nguyễn Văn Q, sinh năm 1984 tại thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh B.

Nơi cư trú: Thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh B.

Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Cao Thị N3; vợ là Đỗ Thị T6 và 03 con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt tạm giữ, tạm giam: Không, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Khoảng 18 giờ ngày 21/5/2018, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T4 cùng đến nhà Trần Văn H ở thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh B để uống bia. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì T, Q và T4 rủ nhau cùng đánh bạc dưới hình thức đánh liêng tại gian bếp của gia đình H. Do không đem theo tiền, T và T4 có hỏi H vay tiền thì được H cho T vay 1000.000 đồng, cho T4 vay 250.000 đồng dùng để đánh bạc. Khi T, Q và T4 đi vào trong gian bếp của nhà H thì thấy chiếc chiếu cói vẫn trải ở bếp và 01 bộ bài tú lơ khơ để trên đỉnh thùng rác trong bếp ăn nên cả ba cùng ngồi xuống đánh bạc và thỏa thuận mức sát phạt thấp nhất là 10.000 đồng, cao nhất là 50.000 đồng. Cách thức đánh bạc được quy định như sau: Một người chơi sẽ chia cho mỗi người chơi 03 quân bài, trước khi lên bài mỗi người chơi đặt số tiền cược là 10.000 đồng đến 50.000 đồng ra để cược gọi là "tố", nếu người chơi tiếp theo không "tố" thì sẽ úp bài và mất số tiền đặt

cược ban đầu, người liền kế bên cạnh sã được quyền "tố" và theo vòng tròn, ai theo tố thì sẽ bỏ số tiền tương ứng, ai không theo sẽ úp bài và mất số tiền đặt cược. Cứ như vậy cho đến khi hết vòng thì tính điểm, cách tính điểm là các quân bài từ Át đến 9 sẽ tương ứng với 1 đến 9 điểm, các quân bài từ 10 đến K sẽ được coi là 10 điểm (H5 o điểm), người chơi tính điểm theo hàng đơn vị để so bài với nhau, ai cao điểm nhất sẽ được toàn bộ số tiền cược ban đầu và tiền "tố", nếu bài của người chơi bằng nhau về số điểm thì sẽ so theo chất rô, cơ, tép, bích. Nếu người nào có 3 quân bài giống nhau khác chất như 3 quân K, 3 quân 2…thì được gọi là sáp, sáp là cao nhất của liêng, trong sáp thì cao nhất là 3 quân A, thấp nhất là 3 quân 2. Người nào có 3 quân bài theo thứ tự như A - 2 - 3; 4 - 5 - 6; J - Q – K…thì được coi là liêng, người nào có 3 quân bài bất kỳ từ J đến K như J - J – K; Q - K – K…thì được gọi là tranh ảnh. Theo thỏa thuận thì cao nhất là sáp, sau đến liêng rồi đến tranh ảnh và sau cùng là tính điểm. Người nào thắng ván đó sẽ được toàn bộ số tiền đặt cược ban đầu, tiền "tố" và được quyền chia bài ván tiếp theo. Sau khi thỏa thuận xong thì T, Q và T4 cùng nhau chơi bạc, đến 22 giờ 20 phút cùng ngày thì Nguyễn Văn D, Đỗ Văn H5, Nguyễn Văn T5 đến quán nhà H uống bia, biết trong nhà H có đánh bạc, D vay Phan văn H6, sinh năm 1985 ở thôn A, xã X, huyện Y số tiền 500.000 đồng vay H5 1000.000 đồng rồi cùng H5, T5 vào tham gia đánh bạc. Khi T5 đến, các bị cáo thỏa thuận mức đặt cược thấp nhất là 20.000 đồng và cao nhất là 100.000 đồng, đánh bạc được một lúc thì T, T4 hết tiền nên T ra quán của gia đình H thì gặp Nguyễn Văn H7, sinh năm 1974 ở thôn X, xã X, huyện Y vẫn đang ngồi uống bia nên T có hỏi vay và được H7 cho vay 2000.000 đồng. T dùng tiền vay này trả H 1000.000 đồng còn 1000.000 đồng dùng đánh bạc, T4 cũng ra vay H7 1000.000 đồng dùng đánh bạc. Các bị cáo đánh bạc đến khoảng 23 giờ 50 phút thì bị Công an huyện Yên D phát hiện bắt quả tang.

Tang vật thu giữ gồm: Thu giữ trên chiếu bạc: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; 01 chiếu cói và số tiền 5.870.000 đồng. Tạm giữ trên người các bị cáo: T 01 điện thoại di động Nokia Lumia; D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia; H5 3000.000 đồng; T5 01 điện thoại di động Iphone 6 và 280.000 đồng; T4 01 điện thoại di động Nokia – 1280; Q 01 điện thoại di động Iphone 6.

Ngày 22/5/2018, Trần Văn H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên D đầu thú về hành vi cho các đối tượng đánh bạc tại nhà mình vào ngày 21/5/2018 và tự nguyện nộp 1000.000 đồng.

Về số tiền dùng đánh bạc các bị cáo khai nhận: T khai khi đến nhà H T không mang theo tiền, trước khi đánh bạc T vay của H 1000.000 đồng dùng để đánh bạc và bị thua hết nên có vay của anh Nguyễn Văn H7 2000.000 đồng. T trả cho H 1000.000 đồng còn 1000.000 đồng dùng đánh bạc và bị thua hết. Q khai có 300.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc và thắng bạc để tiền trên chiếu bạc và bị thu giữ hết; T4 khai không mang theo tiền, trước khi đánh bạc có vay của H 250.000 đồng để đánh bạc và bị thua hết nên có vay của anh H7 1000.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc và bị thua hết, chiếc điện thoại bị thu giữ không sử dụng vào mục đích đánh bạc; D khai có 180.000 đồng, trước khi đánh bạc có vay của anh Phan văn H5 số tiền 500.000 đồng, vay của H5 1000.000 đồng dùng để đánh bạc và bị thua, chiếc điện thoại bị thu giữ

không sử dụng vào việc đánh bạc; T5 khai có 1000.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc và bị thua, số tiền 280.000 đồng bị thu giữ là tiền đánh bạc, chiếc điện thoại không sử dụng vào việc đánh bạc; H5 khai đem theo số tiền 4.400.000 đồng, cho D vay 1000.000 đồng, H5 sử dụng 900.000 đồng để đánh bạc, H5 mới bỏ ra 400.000 đồng để đánh bạc và không thắng, không thua. Số tiền 3000.000 đồng bị thu giữ có 500.000 đồng là tiền đánh bạc, số tiền 2.500.000 đồng không sử dụng vào mục đích đánh bạc; H khai ngày 21/85/2018, H khai trương quán bia, buổi tối cùng ngày H có cho Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T4, Đỗ Văn H5, Nguyễn Văn T5 vào gian bếp của gia đình H để đánh bạc và bị bắt quả tang. H không tham gia đánh bạc, không thu tiền hồ và có cho T vay 1000.000 đồng, T4 vay 250.000 đồng để đánh bạc, số tiền 1000.000 đồng bị tạm giữ là số tiền T vay trước đó trả lại cho H. Như vậy, tổng số tiền T, D, T4, Q, H5, T5 sử dụng để đánh bạc là 6.650.000 đồng, trong đó số tiền thu trên chiếu bạc là 5.870.000 đồng và 780.000 đồng thu của các đối tượng.

Trong vụ án này còn có Nguyễn Văn H7, Phan văn H5 là những người đã cho T, T4, D vay tiền để đánh bạc với anh H5, H7 không biết T, T4, D sử dụng vào việc đánh bạc nên không đề cập xử lý.

Tại cơ quan điều tra Trần Văn H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn T5, Đỗ Văn H5, Nguyễn Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số: 48/CT - VKSYD ngày 27/8/2018 của VKSND huyện Yên D đã truy tố Trần Văn H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn H5 về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo: Trần Văn H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn H5 phạm tội "Đánh bạc". Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm I, s khoản 1, (khoản 2 áp dụng đối với T và T4) Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt: Trần Văn H từ 8 tháng tù đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng; Nguyễn Văn T từ 8 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng; Nguyễn Văn T4 từ 6 đến 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ từ 12 đến 16 tháng; Nguyễn Văn D từ 8 tháng tù đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng; Nguyễn Văn T5 từ 6 đến 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng; Đỗ Văn H5 từ 6 đến 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng; Nguyễn Văn Q từ 6 đến 8 tháng cải tạo không giam giữ. Bị khấu trừ thu nhập 300.000 đồng/tháng. Phạt bổ sung bằng tiền 10.000.000 đồng đối với các bị cáo H, T, D, T5, H5, Q để sung vào công quỹ Nhà nước. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo T4 vì gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo.

Giao các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn H5 cho UBND xã Xuân Phú, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 7.650.000 đồng; tịch thu tiêu hủy 01 chiếc chiếu cói đã qua sử dụng, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân đã qua sử dụng. Trả lại cho: T 01 điện thoại Nokia Lunia số imel 355156064229355; D 01 điện thoại di động Nokia 105 số imel 055767/06/435403/3; Q 01 điện thoại di động Iphone 6 số imel 353321072816849; T5 01 điện thoại di động Iphone plus số imel 359240067271782; H5 số tiền 2.500.000 đồng nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án. Trả lại cho bị cáo T4 01 điện thoại di động Nokia – 1280 số imel 352407/05/129986/6.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện đầy đủ chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa, lời khai của nhân chứng và vật chứng thu giữ được đã có đủ cơ sở để kết luận vào hồi 23 giờ 50 phút ngày 21/5/2018 các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn H5 có hành vi đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền tại nhà Trần Văn H dưới hình thức đánh liêng ở thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh B với tổng số tiền 6.650.000 đồng. Đối với bị cáo Trần Văn H tuy không tham gia đánh bạc, không thu hồ nhưng đã cho các bị cáo T, D, T4, T5, Q, H5 đánh bạc tại nhà của H và cho T, T4 vay tiền để đánh bạc. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo H, T, D, T4, T5, Q, H5 phạm tội "Đánh bạc", tội này được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, do đó phải xử lý bằng pháp luật hình sự.

Đánh giá về vụ án thì đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, bị cáo H khai trương quán bia các bị cáo đến khai trương và bột phát đánh bạc, không có sự câu kết chặt chẽ với nhau. Về vai trò của các bị cáo trong vụ án thì Nguyễn Văn T phải chịu trách nhiệm chính vì T tham gia đánh bạc từ đầu và có số tiền nhiều nhất so với các bị cáo khác. Tiếp theo là H và H5 vì H là chủ nhà và đồng ý cho các bị cáo đánh bạc tại nhà, ngoài ra H còn cho T, T4 vay tiền sử dụng vào việc đánh bạc. Còn bị cáo H5 vừa đánh bạc vừa cho bị cáo D vay tiền để đánh bạc, đối với các bị cáo khác cần căn cứ vào thời gian đánh bạc, số tiền đánh bạc để quyết định hình phạt đối với từng bị cáo.

Trong tình hình hiện nay, tội phạm về đánh bạc có chiều hướng gia tăng, nó là một trong các nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác, ngoài ra còn làm mất trật tự trị an và gây bức xúc trong nhân dân. Do đó cần căn cứ vào nhân thân, vai trò và số tiền sử dụng của các bị cáo dùng vào việc đánh bạc để có một mức án nhất định đối với từng bị cáo nhằm giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung cho loại tội này.

Xét về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Xét về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo H đầu thú, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo đều xuất thân từ người dân lao động, có bị cáo có trình độ văn hóa thấp nhận thức về pháp luật hạn chế, cuộc sống thường ngày chủ yếu là nghề thuần nông. Ngoài lần phạm tội này, các bị cáo luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú. Các bị cáo có nơi cư trú cụ thể, các bị cáo phạm tội do bột phát, số tiền dùng vào việc đánh bạc của các bị cáo không nhiều, hai bị cáo T, T4 có bố, mẹ đẻ là người có công với cách mạng nên được Nhà nước tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s, khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, bởi vậy xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần khi lượng hình.

Xét thấy chưa cần thiết bắt các bị cáo phải cách ly xã hội mà giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo thường trú để giám sát và giáo dục cũng có thể giáo dục được các bị cáo.

Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo để sung quỹ nhà nước; riêng bị cáo T4 gia đình thuộc hộ cận nghèo nên miễn hình phạt tiền.

Về vật chứng của vụ án: Số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, số tiền H cho T vay để đánh bạc mà H đã nộp và các vật chứng khác là công cụ phạm tội cần tịch thu sung quỹ nhà nước và tịch thu tiêu hủy; 04 chiếc điện thoại của T, D, T5, Q và số tiền 2.500.000 đồng của H5 không liên quan đến hành vi đánh bạc thì trả lại cho các bị cáo nhưng tạm giữ số điện thoại trên để đảm bảo thi hành án. Trả lại cho bị cáo T4 01 điện thoại di động.

Về án phí HSST: Các bị cáo H, T, D, T5, Q, H5 phải chịu 200.000 đồng án phí HSST, miễn án phí HSST cho bị cáo T4 vì gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo: Trần Văn H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn H5 phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321 (riêng bị cáo T4 không áp dụng khoản 3); điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 47; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Xử phạt: -Bị cáo Nguyễn Văn T 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt 10.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

-Bị cáo Đỗ Văn H5 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt 10.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

-Bị cáo Trần Văn H 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt 10.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

-Bị cáo Nguyễn Văn D 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt 10.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

-Bị cáo Nguyễn Văn T5 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt 10.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

-Bị cáo Nguyễn Văn Q 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt 10.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

-Bị cáo Nguyễn Văn T4 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Miễn hình phạt tiền cho bị cáo T4.

Giao các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn Q, Đỗ Văn H5 cho Ủy ban nhân dân xã Xuân Phú, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, cụ thể như sau: "Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể Quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

Về vật chứng của vụ án: Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 7.650.000 đồng. Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc chiếu cói đã qua sử dụng. Trả lại cho: Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Lunia số imel 355156064229355; Nguyễn Văn D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 số imel 055767/06/435403/3; Nguyễn Văn T5 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus có số Imel 359240067271782; Nguyễn Văn Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 có số Imel 353321072816849; Đỗ Văn H5 số tiền 2.500.000 đồng nH tạm giữ để bảo đảm thi hành án. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T4 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia – 1280.

Về án phí: Các bị cáo H, H5, T, D, T5, Q phải chịu 200.000 đồng án phí HSST; miễn án phí HSST cho bị cáo T4.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên D;
- Chi Cục THADS huyện Yên D;
- Công an huyện Yên D;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Phách